

PHẠM TÍN AN NINH

Chuyện một người bạn học



*Cái bóng của
vị thầy tu*

Chuyện một người bạn học Cái bóng của vị thầy tu

Phạm Tín An Ninh



**chuyện một
người bạn học
cái bóng
của vị thầy tu**

Phạm Tín An Ninh

**Bìa: *tượng đài Biệt động Quân,
vòng xoay ngã bảy Lý Thái Tổ năm 1968***

Nguồn: *Internet*

**chuyện một
người bạn học
cái bóng
của vị thầy tu**

PHẠM TÍN AN NINH

Cái bóng của vị thầy tu

(tặng bạn tôi N.V.L)

 ường xe trước quán cà phê nằm bên triền núi, tôi kéo Lân vào ngôi bên chiếc bàn nhỏ, nằm riêng rẽ dưới bóng mấy cành thông. Ngày thường, quán vắng khách. Đã hơn bốn giờ chiều mà mặt trời đang ở trên đỉnh đầu. Mùa hè Bắc Âu ngày dài ra, có những ngày cuối tháng sáu, gần như không thấy bóng đêm. Trời nắng, nhưng không nóng lắm. Thỉnh thoảng có vài cơn gió làm lung

ay những cảnh thông, như muốn khuấy động cái không gian tĩnh mịch và tạo thêm chút mát mẻ, thư thái cho khách nhàn du.

Đến đây đã nhiều lần, dần dà bọn tôi trở thành khách quen của ông chủ quán, người Na-Uy, vốn trước kia ở cùng xóm với tôi, nên đã dành cho chúng tôi sự tiếp đãi đặc biệt, thoải mái. Hơn nữa đã từng nghiên cứu về Đạo Phật, nên thấy Lâm trong bộ áo thầy tu, ông chủ cũng tỏ ra ít nhiều tôn kính, có khi trao đổi đôi điều về Phật và Thiền học, mặc dù ông chưa hề biết quá khứ, nhất là cả một thời tuổi trẻ đầy sôi nổi, hào hùng và biến động của Lâm.

Gần mười năm nay, sau khi về hưu, hằng năm, vào khoảng giữa tháng Mười, vợ chồng tôi thường sang Cali ở sáu tháng để trốn mùa Đông Bắc Âu, mà với

tuổi già càng lúc cái lạnh như càng ngấm vào da thịt và cả trong lòng mình. Đến hè, mỗi lần trở lại Na-Uy, tôi thường ghé lại thăm Lân. Từ lúc nhận ra tuổi già qua nhanh quá, cái quỹ thời gian không còn nhiều, và một số bè bạn đã lần lượt ra đi, chúng tôi dành nhiều thì giờ cho nhau hơn. Lân về hưu trước tôi một năm, và anh đã chọn một hướng đi đặc biệt cho tuổi già: tu tại gia. Anh xuống tóc, ăn chay trường và mỗi ngày sống với kinh kệ như một vị thầy tu, mặc dù không đến chùa. Anh cho rằng cái khung cảnh và sinh hoạt ở một số chùa chốn bây giờ không thích hợp với anh. Hầu hết bạn bè và những người quen biết đều tôn trọng cái quyết định đó, cũng như rất mến mộ phong cách, đạo đức của anh. Thực ra, trước khi chọn con đường tu hành, anh cũng đã có đầy đủ tố chất của một vị chân tu rồi. Hiền lành, đạo hạnh, luôn chia sẻ

tấm lòng với tha nhân, nhất là những người không may, gặp điều khốn khó, và với ai anh cũng luôn nở một nụ cười hiền hòa nhân ái. Lân dùng nguyên ngôi nhà ở sửa sang lại làm tịnh thất, nằm trong khu ngoại ô, bên bờ rừng yên tĩnh. Anh sống ẩn dật, chỉ tiếp vài ba người bạn chí thân. Tôi thường đến đây với Lân, có khi ở lại cả tuần, theo anh ngồi tĩnh tâm hay tập thiền, nhưng thỉnh thoảng Lân cũng chiều tôi, theo tôi ra ngồi ở cái quán cà phê bên vách núi yên tĩnh này. Tôi nghĩ đây là nơi lý tưởng để Lân còn nhìn thấy một chút “thế gian” và chúng tôi có thể ngồi hàng giờ tâm sự chuyện đời xưa, nhắc nhớ khoảng thời gian khá dài mà chúng tôi có cùng chung quá khứ.

Tháng sáu năm 1976, sau khi bị chuyển tù ra Bắc, đến Trại Hang Dơi thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn, tôi gặp lại người bạn cũ, có thời ở cùng đơn vị. Anh ở khác lán với tôi, nhưng cùng tổ và nằm bên cạnh Lân. Qua anh bạn này, tôi quen biết Lân từ đó, để rồi sau này trở thành thân thiết. Điều đặc biệt là dù qua bao lần “biên chế”, bị chuyển đi nhiều trại, Lân và tôi đều được may mắn, đi chung với nhau cho đến ngày Lân ra tù, tháng 9 năm 1981.

Trước ngày miền Nam thất thủ, Lân là thiếu tá, làm việc ở Bộ Chỉ Huy Hành Quân Không Quân (thuộc Bộ Tư lệnh Không Quân). Một công việc bất đắc dĩ, ngoài sở thích của Lân. Anh vốn là phi công trực thăng được chuyển về đây sau khi ra khỏi Tổng Y Viện Cộng Hòa và được Hội Đồng Giám Định Y Khoa xếp

vào loại 2, không thể phi hành hay chiến đấu được. Anh bị trọng thương trong một chuyến bay cấp cứu (rescue) một phi hành đoàn bạn bị bắn rơi trong trận chiến An Lộc.

Lớn hơn tôi một tuổi. Lân tình nguyện vào Không Quân và được sang Mỹ học ngành hoa tiêu trực thăng. Về nước được bổ sung cho Phi Đoàn Long Mã 219 ở Đà Nẵng, từ thời còn sử dụng trực thăng loại H-34, về sau này được thay thế bằng UH-1. Đây là một phi đoàn đặc biệt. Trên các máy bay sơn toàn màu đen, không vẽ quốc kỳ và bất cứ danh hiệu hay mã số nào, ngoài hình những lá bài “ách xì” cơ, rô, chuồn, bích. Phi Đoàn có nhiệm vụ thả và bốc các toán lôi hổ, biệt kích, hoạt động trong vùng đất địch. Lân nổi tiếng là một phi công tài giỏi, thông minh và can đảm.

Sau đó, được thuyền chuyển về một phi đoàn thuộc Vùng 3. Năm 1970, Lân cùng phi đoàn đã đóng góp nhiều chiến công trong các cuộc hành quân sang lãnh thổ Cam- Bốt. Năm 1972, tham dự trận chiến An Lộc, đổ quân, tàn thương cho Liên Đoàn 81 BCND và một số đơn vị thiện chiến khác, Lân mấy lần bị thương nhẹ, được đặc cách thăng cấp thiếu tá. Khi đã có lệnh và đang chờ thuyền chuyển đến một phi đoàn khác để giữ chức vụ Phi Đoàn Phó, thì anh tình nguyện tham gia phi vụ cấp cứu (rescue) một phi hành đoàn bạn bị bắn rơi. Nhờ tài năng, lòng dũng cảm và nhất là tình đồng đội “không bỏ anh em không bỏ bạn bè”, anh đã bất chấp mọi hiểm nguy, cứu được 3 trong 4 người của một phi hành đoàn, khi phi cơ phải đáp khẩn cấp vì bị trúng đạn phát hỏa, người xạ thủ đã bị tử thương. Được bốn gunships

yểm trợ, Lân đã lừa địch và bất ngờ đáp xuống trong màn lưới đạn, bốc ba người bạn đang bị Cộng quân truy bắt. Nhưng khi vừa bốc phi cơ lên, Lân bị trúng hai viên đạn, làm gãy xương cánh tay và ống chân trái. Sau này, trong một dịp tình cờ, tôi gặp anh co-pilot trong phi vụ này, kể lại chuyến bay rescue vô cùng hiểm nguy với tất cả lòng thán phục Lân. Anh bảo, nếu không có Lân hôm ấy, chắc chắn việc cấp cứu đã không thành và ba người bạn cùng phi đoàn đã bị địch quân giết hay bắt sống.

Khi ở trại Nghĩa Lộ, tôi được sắp xếp cùng tổ với Lân. Chúng tôi thuộc đội phát rừng (vào mùa Đông) và tăng gia (vào mùa Hè, vì mùa Đông, ở vùng này rất lạnh, không trồng rau được). Tù ăn uống thiếu thốn và lao động cực khổ, nhưng Lân rất khỏe mạnh. Có lẽ nhờ

vào khả năng mưu sinh. Phải nói đây là một sở trường đặc biệt của Lân mà bạn tù ai cũng nể phục. Anh có thể bắt tôm, cá bằng tay không, khi đứng giữa một dòng suối hay con sông. Nhìn dấu chân các loài vật anh biết ngay đó là con vật gì. Chỉ cần một nhánh cây anh có thể “sáng chế” thành một cái bẫy để bắt các loại chim, chồn, và cả thỏ rừng. Nhờ vậy mà anh nuôi sống cả một tổ tù, đặc biệt cứu vài người bị đau bệnh, kiệt sức. Anh còn biết cả thuốc Nam, các loại lá, vỏ cây trị bệnh. Một lần đi rừng chặt nứa, tôi bị một con ong đất chích vào tay, sưng vù lên và tím cả một vùng da. Lân cho biết nọc loài ong này rất độc, có thể làm chết người. Anh dùng dây rừng cột chặt cánh tay tôi lại, đi tìm một loại lá và vỏ cây gì đó đắp lên. Chỉ sau một giờ đồng hồ vết sưng biến mất. Một buổi trưa nhân ngày lễ, được nghỉ lao động, anh đã câu

được gần ba mươi con ếch ngay trong trại, dưới các rãnh mương thoát nước. Chính tay trưởng trại đã đi theo xem và phục tài của Lân. Tất cả ếch câu được đều giao cho nhà bếp “hậu cần” để có thêm chất thịt cho anh em. Lân cho biết là chỉ cần nghe tiếng ếch kêu đêm hôm trước là anh biết có khoảng bao nhiêu con và đang trốn ở đâu. Cần câu chỉ là một thanh tre và một sợi chỉ từ cái bao cát được Lân xe lại, và mỗi câu chỉ bằng một miếng bông gòn nhỏ. Tối hôm ấy, tôi khuyên Lân nên chấm dứt chuyện câu ếch và cần phải giấu kín cái tài mưu sinh, vì có thể bị bọn cai tù nghi ngờ, “ra tay” trước để phòng khả năng anh trốn trại. Tôi cũng ngạc nhiên, khi Lân là một phi công “hào hoa”, nhưng khả năng mưu sinh thoát hiểm rất tuyệt vời. Lân cho biết, khi còn nhỏ, nhờ cả thời tuổi thơ sống bên quê ngoại, một vùng quê

ở Tây Ninh, anh đã theo đám bạn bè và cả những người nông dân lớn tuổi, học được rất nhiều điều như thế.

Điều làm tôi ngỡ phục hơn, ngoài mưu trí, lanh lẹ, Lân còn là một con người gan dạ, liều lĩnh và chí tình với bạn bè. Một lần trải qua một trận kiệt lực kéo dài, thuốc men không có, tôi chỉ còn khoảng ba mươi ký, kiệt sức đứng không vững. Lơι dụng lúc đi lấy “phân xanh” (loại lá cây để ủ thành phân bón), không có vệ binh canh giữ, Lân đã lén vào trại heo của Hợp Tác Xã (cách trại khoảng vài trăm mét, mà trước đó đám tù bọn tôi có đến vài lần làm chuồng cho họ) bắt một chú heo con (heo sữa) mang về giấu ngoài khu vực tăng gia (nằm sát bên hông trại), để hôm sau vùi vào hầm lửa (do tù đào và dùng các gốc cây đốt lửa sưởi ấm) cho tôi ăn dần. Nhờ đó mà tôi

sớm lấy lại được sức.

Một lần khác, khi được giao cho công việc lên phơi lúa trên sân trại, nằm ngay trước ban chỉ huy trại, Lân thấy có một buồng chuối thật dài sắp chín được đám bộ đội chăm sóc cẩn thận, bao lại bằng mấy tấm bao cát và chống lên bằng hai thanh gỗ. Vài hôm sau, trong một buổi sáng sớm mùa Đông, khi sương mù còn dày đặc (đứng cách vài thước không nhìn thấy nhau), Lân đã lẻn lên sân trại cắt trộm cả buồng chuối mang ra chôn giấu ngoài khu lao động. Hai hôm sau chuối chín, chờ lúc không có mặt tay quản giáo, Lân đào buồng chuối lên để cả tổ cùng ăn. Vì sợ mùi chuối chín dễ bị phát hiện, nên Lân đề nghị phải ăn cho hết. Một thời gian quá lâu thiếu chất đường, nên cả tổ tám người thanh toán buồng chuối khoảng một trăm quả trong

vòng 20 phút đồng hồ mà vẫn chưa thấy ngọt. Nhưng vì ăn nhiều quá, nên khi vừa đứng dậy, cả bọn bị ới thốc tháo ra toàn là chuối.

Biết tài bắt cá của anh, nên mỗi lần trại tù hay hợp tác xã bên cạnh tổ chức “tảo” các hồ cá để thả cá con, Lân đều được chọn đi bắt cá. Hầu hết các hồ chỉ nuôi loại cá trắm cỏ, nhưng có nhiều loại cá khác, như cá lóc, cá trê sống trong đó, sẽ ăn hết đám cá trắm cỏ con. Nên trước khi thả cá, phải “tảo” hồ, bằng cách bơm cạn và bắt tất cả các loại cá khác nằm dưới bùn. Lân sở trường về việc này. Nhưng thay vì phải giao tất cả bắt được cho trại, anh tìm vài cái hang dưới bờ hồ, tạo thành những cái học để nhốt một số cá lóc vào đó. Những cái hồ cá này, cũng là nơi cho tù rửa ráy hay tắm sau giờ lao động. Và cứ mỗi lần tắm, Lân lại bắt một

con cá nhốt sẵn trong hộp, mang về cho cả tổ cùng ăn. Vì là đội tăng gia, được giữ mấy cái bình tưới bằng nhôm, nên dễ dàng giấu cá trong đó mà không bị “phát hiện”.

Có một kỷ niệm tôi không thể nào quên. Một khoảng thời gian ở Trại Hang Dơi, bọn CS luôn tìm mọi cách vắt kiệt sức của chúng tôi. Tất cả tù đều phải lên rừng chặt nứa (loại tre nhỏ) mang về bán cho nhà máy giấy Việt Trì, theo hợp đồng của trại. Chỉ tiêu mỗi ngày là ba mươi cây. Nếu không đủ, sẽ không được nhận khẩu phần ăn. Chỉ sau một tháng là nứa ở các vùng núi chung quanh trại tù hết sạch. Chúng tôi phải chia nhau một toán ba người đi rất xa lên các dãy núi cao tìm nứa. Lân và tôi luôn đi chung một toán.

Trời mùa Đông, lạnh buốt xương, và suốt cả ngày mưa phùn rải rích. Các

lối mòn, ngõ ngách lên núi biến thành bùn nhão, trơn như mỡ. Bọn tôi phải đóng những cái cọc ngắn dọc trên các con đường, mỗi lần vác nứa xuống, dùng đầu ngón chân tì vào các cọc để không bị trượt ngã xuống vực. Nguy hiểm hơn là khi bị té ngã, bó nứa chúi xuống đâm vào người đi trước, có thể mất mạng. Một buổi trưa, len lỏi trong rừng già, rất khó khăn để chui qua những cây mây già, nằm chằng chịt như những con trăn dài chặn các lối đi, những cây cổ thụ cao to che hết ánh sáng mặt trời. Khi bọn tôi đang lo âu có thể bị lạc đường, chia nhau đi chặt vào các thân cây làm dấu, thì bất ngờ một một cây cổ thụ bỗng rung rinh, lá cây xào xạc, bóng một con vật to lớn nhảy xuống. Cả ba thẳng khựng lại, rồi như theo bản năng, nhanh chóng tìm lại ngôi sát vào nhau, mặt thẳng nào cũng tái xanh. Bỗng Lân quát lớn: “Đừng sợ,

đứng dậy, đưa dao lên!” Tôi làm theo Lân như cái máy. Khi hoàn hồn, nhận ra ngay trước mặt mình không xa, một con dã nhân (vượn người?), cao to bằng ba con người, lông lá đầy mình, mặt mày dữ tợn, đang rú gào đe dọa chúng tôi. Lân rất bình tĩnh, bảo bọn tôi cùng hét thật lớn và bước tới với con dao đưa lên chém vào không khí. Không ngờ con dã nhân lùi lại, rú thêm mấy tiếng rồi nhảy phóc lên cây, phóng đi nơi khác.

Hôm ấy bọn tôi về tay không và biết là sẽ bị phạt mất phần ăn, nên Lân đã đi tìm mấy mọt măng rừng và luộc lên cho bọn tôi ăn đỡ đói. Tôi và anh bạn tù kia phục Lân vô cùng. Nếu hôm ấy mà không có Lân, chẳng hiểu bọn tôi sẽ phản ứng ra sao. Cũng đã từng bao lần vào sinh ra tử, nhưng đứng trước một tình huống quá bất ngờ này, thực tình

chúng tôi mất hết bình tĩnh, chẳng biết cách nào đối phó. Đây cũng là lần đầu tiên tôi nhìn thấy một con vật lạ lùng, ghê sợ, mà trước đây chỉ biết mơ hồ qua sách vở và lời kể của ông bà.

Năm 1979, trước khi chuyển trại để rời khỏi Hoàng Liên Sơn, vì Trung Cộng đang tấn công vào các tỉnh biên giới phía Bắc, đội tù chúng tôi được chọn ra hai tổ đi lao động “thông tâm”, gặt lúa cho một HTX nông nghiệp, ở cách xa trại khoảng mười cây số. Lân được chọn làm toán trưởng. Chúng tôi khoảng 20 người, đi bộ, có hai tên vệ binh đi theo. Đến nơi vào buổi chiều, trời sắp tối, bọn tôi được trú ngụ trong một cái đình làng bỏ hoang, một phần mái và một bức tường đã rệu rã. HTX dùng cái sân đình để chứa và phơi lúa. Không biết có phải để “khuyến khích tinh thần” hay tạo thêm sức, HTX

“bồi dưỡng” cho bọn tôi một bữa xôi nếp với thịt trâu khá no nê. Có cả một xị rượu mía. Đây có lẽ là bữa ăn thịnh soạn nhất trong đời tù bọn tôi.

Sáng hôm sau, tay Chủ nhiệm HTX hướng dẫn chúng tôi ra khu ruộng, nằm cách ngôi đình làng khoảng 100 mét. Khi đến nơi bọn tôi mới ngỡ ngàng. Đây là những đám ruộng sinh, lúa rất tốt, nhánh nào cũng trĩu đầy hạt, nhưng nếu bước chân xuống ruộng, người ta sẽ bị lún sâu xuống ngay, khó mà ngoi lên được, vì càng cử động, tìm cách thoát lên, lại càng bị lún xuống thêm, có thể ngập đầu.

Bọn tôi lắc đầu ngán ngẩm, khi vừa hiểu ra cái giá của bữa cơm nếp có thịt trâu, rượu mía tối hôm qua. Trong khi cả bọn nhìn nhau bất lực, Lân đưa ra sáng kiến. Dùng các tấm cửa cũ của ngôi đình

bỏ hoang, cột dây kéo hai đầu, chỉ cần một người (chọn những người nhẹ ký nhất) ngồi trên tấm cửa, gặt lúa, những người còn lại, đứng trên bờ hai đầu, thay phiên kéo và giữ thẳng bằng tấm cửa và an toàn cho người gặt lúa. Một tấm cửa khác kéo theo bên cạnh, để chứa những bó lúa gặt được. Khi nào đầy lúa, người gặt ra dấu, để được kéo vào bờ. Sáng kiến của Lân được mọi người hoan nghênh, kể cả tay Chủ nhiệm. Khoảng mười tấm cửa cỡ đủ loại lớn nhỏ được mang ra sử dụng, một số cuộn dây được cung cấp, kể cả một số tre được mang tới để vài anh chẻ ra đan thành những cuộn dây dài. Không ngờ sáng kiến của Lân lại tuyệt vời.

Chỉ hai hôm, tất cả lúa trên hơn mười thửa ruộng sinh được gặt xong. HTX “thu hoạch” được số lượng lúa khá lớn.

Tay Chủ nhiệm xin cho bọn tôi được ở lại thêm một ngày để nghỉ ngơi và “liên hoan”. Ăn cơm trắng với cá “trám cỏ”. Thấy có một cái trống rách, bỏ nằm lẩn lóc trong góc đình, Lân bèn nghĩ ra một điều “kỳ lạ” khác. Anh tháo da từ cái trống ra, mượn một cái chảo đun sôi gần cả một đêm, sáng hôm sau, các miếng da nở ra, mềm, dẻo và trắng muốt. Lân thái nhỏ ra, xin thêm đậu phụng (lạc), giã nát cùng với ít rau, rắc lên. Miếng da rách trong chiếc trống lẩn lóc ngày hôm qua, bây giờ đã trở thành một món ăn khoái khẩu. Những bạn tù hôm ấy chắc chắn không ai có thể quên Lân và những ngày tù thật đặc biệt này.

Sau khi được chuyển về Trại Nghệ Tĩnh, Lân rủ tôi và một người bạn thân nữa tổ chức một cuộc trốn trại. Tôi rất tin tưởng vào khả năng vượt thoát của Lân.

Thời gian này bắt đầu được thăm nuôi, Lân đã nhờ người nhà mang theo nhiều thức ăn khô, một số tiền mặt và một cái địa bàn nhỏ dấu kín trong hũ mắm ruốc. Nhờ hối lộ hậu hỉ cho tên công an phụ trách, nên mọi thứ đều trót lọt. Nhưng chưa tới ngày thực hiện thì bất ngờ Lân có lệnh thả. Anh rất ngạc nhiên về việc này. Kế hoạch trốn trại phải hủy bỏ, vì tôi và người bạn còn lại không tin vào khả năng của mình, nếu không có Lân.

Năm 1983, sau gần một năm được chuyển về Trại Z-30 C Hàm Tân, tôi được thả. Ra trại, thay vì về quê ngoài Nha Trang, tôi vào Sài Gòn tìm Lân. Vì trước lúc chia tay, Lân cho biết là sau khi về nhà, anh sẽ mua ghe tổ chức vượt biên. Anh còn dặn dò, bất cứ lúc nào ra khỏi tù, tôi nhớ tìm gặp anh ngay. Tôi luôn tin tưởng vào khả năng, đạo đức và

chân tình của Lân.

Thời gian trong tù, qua tâm sự của Lân, tôi biết rất rõ về nhà cửa, địa chỉ và tất cả những người trong gia đình anh. Ông cụ đã mất trước 75, Lân chỉ còn bà cụ đang sống với hai cô em gái trong ngôi nhà khá lớn ở bên Quốc lộ, gần Ngã Tư Hàng Xanh. Ông anh duy nhất là một Biên Tập Viên Cảnh Sát, làm việc tại Sài Gòn, đã kịp rời khỏi Nhà Bè vào sáng sớm ngày 30.4.75.

Lân được cả nhà, đặc biệt là bà mẹ hết lòng yêu thương. Chính vì điều này mà Lân đã không đành bỏ mẹ để ra đi khi CS chiếm Sài Gòn, mặc dù khi ấy Lân có nhiều phương tiện trong tay, đã giúp khá nhiều bạn bè ra khỏi nước. Sau này Lân còn cho tôi biết, chính mẹ và các em gái của Lân đã bán nhiều tài sản và dùng vàng bạc giấu được sau các đợt “đánh

tư sản”, tìm đường dây đến một tay thứ trưởng Bộ Nội Vụ CS mua cho Lân cái giấy ra trại, để vượt biên sớm. Lân là một trong số rất ít tù được thả sớm từ miền Bắc trong thời gian ấy.

Khi tìm đến nhà, tôi gặp mẹ và cô em lớn của Lân. Bà mẹ cũng là một người tu hành. Bên kia phòng khách, tôi nhìn thấy một tượng Phật Quan Âm lớn hơn một người thật, cao gần đến trần nhà. Tôi bảo tôi là bạn tù rất thân của Lân vừa mới được thả ra, tìm đến thăm Lân, nhưng cả mẹ con đều bảo Lân đang sống ở vùng kinh tế mới dưới Phước Tuy. Nhìn vẻ mặt của hai người tôi biết là họ đang nghi ngờ tôi, có thể là một gã công an nào đó muốn thăm dò tin tức Lân. Khi tôi hỏi xin địa chỉ nơi ở của Lân trong vùng kinh tế mới để đi thăm, viện cớ là tôi ở ngoài Trung, sau này khó có

thể gặp Lân, hai người bảo là không biết, hơn nữa người lạ cũng không được phép đến đó. Đoán là có điều gì xảy ra cho Lân, nên cả mẹ và em Lân cố tình giấu giếm, tôi lấy tờ Giấy Ra Trại đưa cho cô em xem và kể thêm một số chi tiết về Lân cũng như những người trong gia đình. Khi ấy hai người mới tin và cho tôi biết là Lân tổ chức vượt biên, kéo theo một số bạn bè, nhưng chẳng may ghe bị mắc cạn ở cửa sông Mỹ Tho, Lân bị bắt và đang bị nhốt trong một trại tù rất khắc nghiệt. Tôi cảm ơn và xin tạm biệt, nhờ chuyển lời thăm Lân khi có thăm nuôi. Tôi cũng để lại địa chỉ và nhờ nói lại với Lân, khi ra tù nhớ liên lạc với tôi. Mẹ của Lân bảo cô em vào lấy một số tiền biếu tôi. Tôi từ chối nhưng hai mẹ con nhất mực bắt tôi phải nhận. Cô em đã nhét tiền vào túi áo của tôi.

Sau hơn tám năm, trở về nhà, chưa kịp làm quen với mấy đứa con, nhất là con gái út còn nằm trong bụng mẹ ngày tôi vào tù, và cũng chưa kịp hỏi được tin tức về nơi chôn cất cha tôi, ông đã chết trong một trại tù khác trong Nam từ tháng 6/1976, thì bốn hôm sau, tôi được “mời” ra công an thị trấn, nhận cái giấy trả lại trại tù, với lý do “nhân dân địa phương không chấp nhận cho tôi được tạm trú”. Khăn gói vào lại trại tù Z-30C, được cho ở tạm nhà thăm nuôi ba hôm, sau đó nhận một tấm Giấy Ra Trại khác, với nơi chỉ định tạm trú mới là sinh quán của tôi. Ở đó tôi chẳng còn ai, ngoài bà cô già, góa bụa sống trong ngôi nhà từ đường của ông bà nội tôi để lại. Tôi lại bị chính quyền CS ở đây hành hạ, làm nhục đủ điều. Không còn con

đường nào khác, ngoài vượt biên. Nhờ một ông anh con ông cậu ruột, nguyên là một HSQ Hải quân, đang có sẵn ghe đánh cá, tôi liền lĩnh âm thầm khuyến khích và tổ chức vượt biên, chỉ dành cho gia đình và những người thân thiết nhất. Tôi nhờ đưa cháu vào nhà Lân. Rất may là Lân vừa mới ra khỏi tù hơn một tuần lễ, cũng nhờ bà mẹ lo lót. Lân mua giấy tờ giả, đóng vai một “cán bộ thương nghiệp” ra Nha Trang công tác. Tôi gửi Lân ở chung nhà với một người bạn thân khác của tôi, là căn phòng nhỏ ngay phía sau một trường tiểu học mà anh là hiệu trưởng, không ai để ý. Đúng giờ hẹn, tôi cho người đón Lân bằng xe Honda và đưa Lân trốn trong một ghềnh đá sát bên bờ biển ở một nơi an toàn. Tôi hẹn cho ghe ghé đến, đậu xa bờ khoảng 200 mét, báo mật hiệu bằng đèn và cho thằng cháu chèo thúng chai vào đón. Nhưng

Lân bảo không cần, vì thùng chai chèo chậm lắm, anh sẽ bơi ra tàu cho nhanh. Khi kéo Lân lên tàu, hai đứa ôm chầm lấy nhau, như thầm hứa hẹn một “trang sử” mới.

Mặc dù có người anh định cư ở Mỹ từ 1975, nhưng Lân quyết định cùng đi Na-Uy với chúng tôi. Mấy lần tôi hỏi, có phải trong lòng Lân còn “hận” Mỹ, đã phản bội, bỏ rơi người bạn đồng minh, để đất nước và cả dân tộc mình điêu đứng lầm than? Lân cười, bảo chỉ muốn sống gần tôi, người bạn đã cùng sống chết với anh trong suốt đoạn đời tù đầy khốn khổ.

Lân cùng học rồi cùng vào làm một sở với tôi cho đến ngày về hưu. Chúng tôi cùng hăng say hoạt động trong một tổ chức kháng chiến ngay từ ngày đến Trại Tị Nạn Bataan, Phi Luật Tân. Vào thời điểm ấy, tổ chức này rất nổi tiếng

và được nhiều người khắp nơi tham gia, ủng hộ. Khi một cán bộ cao cấp của tổ chức từ Hoa Kỳ đến Na-Uy sinh hoạt, cả Lâm và tôi xin tình nguyện được về “chiến khu quốc nội”(?), nhưng ông ta bảo không còn cần thiết nữa. Chỉ một tháng sau đó, tổ chức này rạn nứt, tan vỡ, phơi bày bao điều không thật, đau lòng. Chúng tôi thất vọng và phẫn nộ khi có cảm giác mình bị lừa dối. Những năm sau, Lâm sang Mỹ nhiều lần, thăm ông anh, họp bạn bè và tìm hiểu các tổ chức, hội đoàn hoạt động ở đây. Anh háo hức, thiết tha mong được đóng góp phần mình. Lâm thường bảo, cuộc sống lưu vong này sẽ trở nên vô nghĩa, nếu chúng ta không làm được điều gì. Chẳng lẽ rồi bọn mình cũng chỉ là những “con chim ẩn mình chờ chết!” hay sao?

Cuối cùng, dường như Lân đã không tìm được một “ánh sáng nào ở cuối đường hầm”. Anh bảo những hình thức, phô trương, những bộ quân phục và lon lá bị lạm dụng, những ông bà háo danh, tranh giành cộng đồng này, hội đoàn nọ, tệ nhất là mấy cái chính phủ với đám tướng tá tự phong, tự diễn, lối bịch như đám phường tuồng, làm anh muốn buồn nôn.

Có những ông chưa có một ngày trong lính, nhưng lúc nào cũng tỏ ra là một nhà quân sự tài ba, huênh hoang chê bai ông tướng này ông tá khác, phê phán đủ các trận chiến ngày xưa. Cũng có những ông gốc lính, chẳng biết ngày xưa khí phách, tài năng đến đâu, giờ nằm nhà chửi bới, chụp mũ không sót một người nào.

Bạn bè thì một số thoả mái với cuộc sống mới và đã biến thành những con

người mới, quên mình đã từng là lính và bị tù đầy. Một số thì tìm đến với nhau trong những hội hè, mong có nhiều cuộc họp mặt tiệc tùng, để có dịp mặc bộ quân phục, tìm lại chút “du âm ngày cũ”. Chưa kể một số đua nhau về Việt Nam, để đi trở lại trên những “đường xưa lối cũ”. Lân bảo, vẫn biết mỗi người có quyền chọn cho mình một cách sống riêng để bù đắp những mất mát hay xoa dịu phần nào vết thương quá khứ, tất cả đều tội nghiệp, nhưng sao anh vẫn thấy có điều gì đó làm xót xa, đau đớn trong lòng.

Đôi khi Lân than thở với tôi:

– Đã hơn gần 30 năm sống trong cái cộng đồng ly hương này, sao nhiều lúc mình vẫn có cái cảm giác bồng bềnh như ngày nào còn ngồi với bạn trên chiếc thuyền vượt biển ra khơi!

Tôi lên mặt lý sự cốt an ủi Lâm:

– Bạn đừng lý tưởng quá, thời gian nó sẽ xói mòn và làm đổi thay tất cả. Trong cái xô bồ, mình phải gạn lọc để chấp nhận và trân trọng những gì tương đối, bởi rất nhiều anh em, cũng như chúng ta, đành phải “lực bất tòng tâm” trước những ước vọng đó sao!

Tôi thầm tiếc và tội nghiệp cho Lâm, một con người yêu nước, tài ba, can đảm và đức độ như vậy mà chẳng còn một nơi nào để “dụng võ”.

Nhiều lúc thấy Lâm trầm ngâm, ngồi im lặng như một thiền sư, tôi tự hỏi, từ ngày chọn con đường tu hành, ngày đêm với kinh kệ, không biết trong lòng Lâm có còn nổi khắc khoải nào không? Tôi ngại không dám hỏi Lâm. Mới đây, trong lúc ngồi bên nhau Lâm nói với tôi:

– Bây giờ tôi chỉ còn mong ước hai điều, trước khi chết được thấy đất nước mình đổi thay, không còn Cộng sản, và khi nhắm mắt được có bạn ở bên cạnh để vuốt mắt và niệm cho tôi một bài kinh A Di Đà!

✱

Con chim gỗ trên chiếc đồng hồ treo trong quán cà phê vừa hót lên bảy tiếng. Như vậy là bọn tôi ngồi đây đã ba giờ đồng hồ. Trời không tối nên cứ tưởng còn sớm lắm. Ánh mặt trời vẫn chói chang qua những tàng cây. Tôi đứng dậy dành đi trả tiền. Lân bước ra trước, đứng chờ ở vệ đường, nhắm mắt ngược mặt lên trời. Không biết anh đang cầu nguyện điều gì hay muốn xóa đi, quên hết những gì mà chúng tôi vừa tâm sự, để trở về với cái

tâm yên tĩnh của một thầy tu. Anh đứng yên lặng nhưng cái bóng của anh lung linh, sống động trải dài theo bờ con dốc đá. Nhìn cái bóng, tôi mơ hồ như bất ngờ được gặp lại người phi công trẻ, hào hoa, oai hùng, mà mình đã từng quen biết từ một thời nào xa xưa như trong tiền kiếp.

Bỗng dưng, tôi nhớ tới những đồng đội bạn bè đã hy sinh, nhớ tới những chàng phi công hào hùng đã từng sống chết với đơn vị tôi trong Mùa Hè 1972 và suốt một thời binh lửa. Khi bước đến bên Lân, tôi vẫn thấy anh đứng lặng yên, bất động, hướng mắt nhìn về một nơi xa xăm nào đó. Trên không gian bao la chỉ có vài áng mây đang chầm chậm bay về phía cuối chân trời.

Phạm Tín An Ninh

Chuyện một người bạn học

Trước khi vào đệ tam Võ Tánh, hai thằng cùng học một lớp bên trường Văn Hóa. Năm đệ ngũ, niên học khai giảng hơn hai tuần thì cô Hương, giám thị, dẫn một người vào lớp. Mới đầu, từ cô Tùng Linh, giáo sư hướng dẫn, đến học trò, không ai nghĩ anh ta sẽ là học sinh vào lớp đệ ngũ này. Người cao lớn, vạm vỡ, đẹp trai, mái tóc bông bông, mặc một cái áo sơ mi sọc đậm, ngắn tay, xắn cao, quần sans-ple bó ống với cái nịt

to bản và đôi giày da bóng đi kêu lộp cộp. Lại còn cái kính đen dặt trên dây nịt nữa chứ. Một cuốn tập cuốn tròn trong túi sau.

Cả lớp tròn mắt ngạc nhiên khi nghe cô Hương giới thiệu anh ta là học trò mới, từ xa đến.

Cái tên nghe cũng lạ: Lâm Ni.

(Sau này mới biết anh ta gốc tàu Chợ Lớn, cha Tàu mẹ Việt. Gia đình giàu có. Cha anh làm chủ một công ty xuất nhập cảng. Vì không kiểm soát được anh, nên gởi anh ra Nha Trang ở với ông cậu, là chỉ huy phó quân trường Đồng Đế. Ba má anh tin tưởng ông cậu nhà binh này sẽ đưa thẳng con cưng của mình đi vào nề nếp. Cùng với không khí mát mẻ, hiền hòa của thành phố biển sẽ làm nó hiền lành ngoan ngoãn hơn).

Cô Tùng Linh chỉ cho Lâm Ni vào ngồi chung bàn với tôi ở phía sau. Anh chào tôi bằng cái rờ đầu rất kẻ cả. Tuần đầu anh im lặng, ít nói chuyện với ai. Mà có lẽ cũng chẳng có ai muốn làm quen với anh ta, ngoại trừ Trần Bá Hòa, người vui tính mà nghịch ngợm nhất lớp. Nhưng chỉ một tuần lễ sau là không khí cả lớp thay đổi hẳn. Mấy nàng nữ sinh ngồi phía trước liên tục bị bắn giấy thun từ phía sau lưng, thi nhau quay ra phía bàn tôi chửi rửa. Có lần cô Linh đang viết trên bảng đen bị lạc đạn, cả lớp phải nín thở. Một lần khi thầy Nguyễn Đức Nhơn đang gọi điểm danh, thành tình cả lớp như chợ vỡ, khi mấy người đẹp phát hiện một đám chuột con đỏ hỏn nằm dưới học bàn. Ai cũng biết tôi là thằng gốc nhà quê, hiền lành. Nhưng vì ngồi chung bàn với Lâm Ni nên “có chửi cùng chia, có cười cùng hưởng”. Nói vậy chứ

chưa có bà chị nào quay xuống bàn tôi để nở nửa nụ cười, mà chỉ toàn là những cái liếc sắc như dao, và tiếng rửa lưng bùng trong miệng chưa kịp phát ra thành tiếng. Tôi bực mình anh ta nhưng không dám phản ứng.

Có lần tôi nhìn anh ta tỏ ra bực dọc, liền bị một cái cú đầu. Dưới mắt anh, lúc nào tôi cũng là thằng nhóc con. Nghĩ thân phận nhược tiểu nên tôi đành im lặng chịu đựng bên cạnh một đại cường. Nhưng tới một ngày, chiến tranh cũng phải bùng nổ, khi anh ta mượn rồi làm mất luôn cuốn vở “kiểu mẫu” (mà sau khi ở trường về tôi phải ngồi hàng giờ cặm cụi viết lại, uốn nắn từng chữ bằng nhiều thứ màu mực), tôi đã ném vào người anh tất cả mấy cuốn sách mà tôi có trong tay, giữa đám học trò trong lớp. Kỳ lạ, lần này anh lại cười hiền khô, ôm tôi và bảo

“xin lỗi toa nghe!” Đã thế ngày hôm sau anh còn mang cho tôi một bịch mấy trái thanh long. Từ hôm đó hai thằng xích lại gần nhau hơn một chút.

Cả trường biết anh, và có lẽ chẳng có ai ưa anh – tôi đoán thế – vì anh chạy một chiếc xe gắn máy hiệu Gobel màu đen mới toanh, trên bình xăng có vẽ hình con ó xòe đôi cánh, cái ghi-đông thật dài, ống pô được tháo bỏ phần hãm thanh nên nổ inh ỏi. Nghe nói tối nào anh cũng đi học võ ở võ đường của thầy Trọng Đãi. Có lần chính anh kể với đám tụi tôi, anh vào Judo Club để học lấy đai đen thì lại gặp thầy Trần Thanh Lý, dạy toán, cũng đang học trong đó, anh bèn rút lui. Khi ấy thầy Lý còn trẻ, nhưng anh nể thầy lắm. Mặc dù thầy Lý chưa hề phạt anh, bởi trong tất cả các môn học, môn toán và anh vẫn là anh giỏi nhất.

Có lần thầy Lý còn gọi đùa anh là Lâm Bưu. Lúc ấy nhiều thằng trong đám tụi tôi chưa biết Lâm Bưu là gã trời đất nào, cũng cười theo. Nghe Lâm Ni kể là ông già của anh ta có cái mũi rất thánh trong thương trường. Ông tin chắc là Mỹ thế nào cũng đổ quân vào Việt Nam, nên muốn thầy dạy kèm Anh văn cho con mình từ năm Lâm Ni mới vào đệ thất. Còn toán là nhờ cái thông minh và lanh lợi mà trời đã ban cho anh ta để bù vào mấy cái tật khác.

Lâu lâu, bọn tôi nghe Trần Bá Hòa thông báo là Lâm Ni hẹn đấu “pạc-co” với băng Lò Heo, băng thằng Điền, hay băng thằng Liên nào đó ở Xóm Mới. Mấy lần đám tụi tôi cũng tò mò theo Trần Bá Hòa đi xem, mới biết Lâm Ni võ nghệ cao cường mà còn có tinh thần võ sĩ đạo kiểu Nhật Bản nữa. Lúc nào cũng

nhường cho đối thủ tấn công trước, và khi đối thủ ngã xuống, anh không thêm tấn công, mà còn đỡ đứng dậy. Trong khi những tay này đã từng chơi xấu anh sát ván bao lần trước.

Anh ở nhà ông cậu ruột, một biệt thự trên đường Yersin, nhưng bạn bè thường thấy anh chở đào chạy vòng vòng ngoài đường Duy Tân, bờ biển. Có khi còn thấy chiếc xe Gobel của anh dựng cả ngày trước Bar Thu Thủy ở đường Hoàng Tử Cảnh.

Sang năm đệ tứ, không hiểu là vì mọi người đã quá quen cảnh cũ người xưa, hay là chính anh ta thay đổi, bỗng dưng “lòng chột từ bi bất ngờ”, không thêm phá phách nữa, nên một số bắt đầu làm thân với anh. Mấy bà chằn lúc trước bây giờ cũng có nàng đã cười nửa miệng với anh ta. Tôi bây giờ lại là thẳng thân nhất với

Lâm Ni. Những ngày nghỉ cuối tuần hay ngày lễ, anh đến nhà trọ chở tôi lên Phú Vinh, thăm khu vườn nuôi gà của anh Khanh, trưởng lớp. Khi ấy anh Khanh đã có vợ hai con. Có lần anh ta còn dám lấy xe jeep của ông cậu tới chở bọn tôi đi lên Thành thăm cô bạn Tuyết Phượng ở bên kia cầu Phú Lộc, nhưng mới đến Mã Vòng bị quân cảnh chặn lại hỏi giấy. Cả đám phải vào ngồi trong đồn để chờ ông cậu của Lâm Ni cho người đến nhận xe và nhận người luôn.

Có lẽ tôi có duyên nợ gì với Lâm Ni. Ngày thi trung học đệ nhất cấp, vì tên cùng vần N, nên tôi lại bị xếp ngồi bên cạnh anh ta. Tí nữa thì tôi khốn khổ. Môn toán và Anh văn, không cần nháp nhiệt, anh ta làm một cái vèo, nộp bài ra trước nhất. Nhưng mấy môn khác, tôi làm chưa xong, thì anh thò tay qua chộp.

Chút nữa là ông giám thị bắt được, tôi hú vía. Kỳ thi ấy cả hai thằng đều đậu.

Từ hôm ấy, anh ta càng thân với tôi hơn. Cứ vài ngày là chạy xe lại nhà tôi, chở tôi đi xuống quán số 1 dưới bờ biển ăn bò bảy món, đi Cầu Đá ăn phở gà trước khi tôi về quê nghỉ hè.

Quê tôi ở ngoài Vạn Giã, vào Nha Trang tôi ở trọ nhà ông chú, một hiệu buôn, trước ở đường Độc Lập, bên rạp xi-nê Moderne của ông Bác Ái, sau chuyển về đầu đường QL 1 trước Ty Thông Tin. Chú thím tôi hơi nghiêm khắc, nên không muốn bạn bè tôi lui tới nhiều. Hơn nữa ông bà chỉ có một đứa con gái rệu, xinh gái, gọi tôi bằng anh nhưng lớn hơn tôi hai tuổi và học trên tôi một lớp, bên trường Lê Quý Đôn, nên ông bà cũng muốn “kín cổng cao tường” một chút. Lần đầu tiên Lâm Ni tới tìm tôi,

ông bà nhìn anh ta từ trên xuống dưới, rồi bảo là tôi không có ở nhà. Thực ra lúc ấy tôi đang ngồi phía trong phòng khách. Thấy Lâm Ni tới tôi định chạy ra, nhưng nghe ông bà bảo vậy tôi im luôn. Sau này tôi dặn Lâm Ni cứ dựng cái xe gần máy phía trước ngồi chờ, thấy chiếc xe là tôi chạy ra.

Về quê nghỉ hè chưa tròn một tháng, thì chú tôi nhắn ba tôi đưa tôi vào Nha Trang gặp ông có chuyện gấp. Vào đến nơi, vừa bước vào nhà tôi mới tá hỏa. Ông chú hò hét chửi tôi một trận xối xả, rồi bảo ba tôi tìm một chỗ khác cho tôi ở học sau mùa hè.

Không biết tài tán gái thế nào mà chưa đầy một tháng Lâm Ni đã cua được cô con gái cứng của ông chú tôi mà tôi chẳng hề hay biết. Tôi bực anh ta nhưng cũng phục anh ta sát đất. Mà cũng xui

cho anh – phải nói xui cho chính tôi mới đúng - Ông chú tôi là dân Nha Trang chính hiệu nhưng chưa hề biết nước biển Nha Trang ngọt mặn ra sao. Tôi nghĩ có lẽ cái lý do chính là ông không muốn cho bất cứ ai nhìn thấy cái bụng phệ hơi quá khổ của ông. Vậy mà hôm đó, có mấy người bạn từ Sài Gòn ra bàn chuyện làm ăn. Nể tình, ông mới chiêu khách đưa họ đi biển tắm. Bất ngờ khi bước vào Quán số 3 bên bờ biển thì ông thấy một cặp tình nhân đang ôm nhau say đắm. Ông giận đến không biết mình đang ăn món gì trong miệng khi khám phá đôi tình nhân kia là cô con gái cưng của ông và thằng bạn trời đánh của tôi.

Tôi mất mẹ từ nhỏ, nên Ba tôi cưng lắm, chưa hề la tôi một tiếng. Vậy mà hôm đó ông la tôi một trận. Câu cách ngôn “gần mực thì đen gần đèn thì sáng”

hồi xưa hồi xưa, cũ như trái đất, được ông đem ra giảng tới giảng lui mấy lần , mặc dù tôi cố gắng hết sức để bào chữa cho Lâm Ni: nào anh ta là con nhà giàu và tử tế, bên ngoài như thế chứ học hành giỏi, nào là hiền lành và tốt bụng lắm. Nhưng tôi đành đứng chịu trận khi ông chú tôi lỡ nóng dại miệng dám xác nhận ngay trước mặt bà thím là chính ông ta gặp Lâm Ni mấy lần trong Bar Thu Thủy, và dưới Grand Hôtel. Tôi nghĩ tối hôm đó chắc ông cũng mệt với bà. Nói thì nói vậy, chứ gì thì ông chú cũng nể ông già tôi, và cũng cần tôi để làm cho ông mấy bài toán cộng trừ, tính lời lỗ mỗi ngày, nên sau khi ông hết giận, rồi đâu cũng vào đó.

Bị chửi quá nên tôi cũng giận Lâm Ni, định bụng sau hè vào phải dũa cho chàng ta một trận và nhất định nghỉ chơi

với anh ta để vào Võ Tánh yên ổn mà lo học hành.

Ngày nhập học, khi đang ngỡ ngác tìm lớp, thì có người vỗ vai. Quay lại, thì đúng là Lâm Ni. Anh ta vào Tam B còn tôi vào Tam C. Gặp lại trong giờ ra chơi, tôi kéo Lâm Ni ra ngoài, thúi vào bụng mấy cái, kể lại chuyện tôi bị ông chú đuổi. Anh ta không thèm an ủi tôi một tiếng mà còn bảo tôi lên nhà ông cậu ở với anh ta. Thực ra chàng ta cũng là một thằng tốt bụng, nhưng tôi nghĩ thâm nếu tiếp tục quen với Lâm Ni sẽ còn gặp phiền phức nữa, nên kể từ hôm ấy tôi lánh mặt anh ta.

Vào Võ Tánh, dường như Lâm Ni cũng thay đổi nhiều. Mặc đồng phục và cắt tóc tai đàng hoàng. Nhưng bây giờ đi học bằng chiếc Vespa mới toanh. Chắc là

phần thưởng thi đậu của ông già. Lâu lâu tôi thấy anh đứng ngoài cửa sổ lớp Tam C của tôi trêu ghẹo mấy người đẹp ngồi trong lớp.

Cái lớp Tam C của tôi sao hiền lành quá. Chắc là thiên hạ chuẩn bị để làm người lớn, hay là các bà chị trong lớp vừa đẹp vừa hiền như ma soeur nên không còn tên nào muốn làm ma quỷ nữa . Ba năm ở Võ Tánh trôi qua rất êm đềm, như mặt nước hồ thu, không còn lại trong tôi điều đặc biệt nào đáng nhớ.

Ngày nhập học lớp Đệ Nhất, tôi có ý tìm nhưng không thấy bóng dáng của Lâm Ni. Tôi nghĩ chắc chàng ta rớt tú tài 1, nên sang trường khác học lại. Nhưng sau đó, tôi nghe mấy người học cùng lớp với Lâm Ni bảo là anh ta đậu kỳ hai, nhưng đã theo ông cậu thuyền chuyển đi

nơi khác. Tôi thoáng một chút bùi ngùi, khi nghĩ là chẳng bao giờ còn gặp lại anh ta.

✱

Ba năm sau tôi vào quân trường Thủ Đức. Ra trường được chuyển ra một đơn vị tác chiến lưu động ở Ban Mê Thuột, (mà lính tụi tôi thường gọi là xứ Buôn Muôn Thuở, hay là Bụi Mù Trời) làm trung đội trưởng.

Trong một cuộc hành quân phối hợp, tiếp viện cho một chi đoàn thiết quân vận bị phục kích tại Quảng Nhiêu, sau khi giải tỏa tình hình, tiểu đoàn rút về, chỉ có trung đội tôi được lệnh ở lại tăng phái cho một đại đội Biệt Động

Quân¹. Thấy tôi có vẻ lo âu khi trung đội phải ở lại một mình giữa chiến trường khói lửa chưa tan, ông tiểu đoàn trưởng bảo:

– Chú mày yên chí, đại đội Biệt Động Quân này khá lắm, thắng đại đội trưởng

1 Biệt động quân Việt Nam Cộng hòa là đơn vị bộ binh cơ động của Quân lực Việt Nam Cộng hòa, đồng thời là lực lượng tổng trừ bị thuộc Bộ Tổng tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Biệt động quân được huấn luyện kỹ năng hành quân chiến đấu độc lập với các đơn vị bạn, tác chiến ở quy mô từ tiểu đội đến tiểu đoàn với nhiệm vụ giải tỏa áp lực địch trên địa bàn hoạt động, sử dụng lối đánh lấy du kích phản lại du kích cùng sự hỗ trợ của thiết xa vận, giang thuyền vận và trực thăng vận. Biệt động quân là binh chủng tinh nhuệ của Lục quân Việt Nam Cộng Hòa chuyên dùng để đối phó với du kích cộng sản. Với khả năng cơ động của mình, Biệt động quân luôn là lực lượng ra tay phản kích nhanh quân địch trước tiên, không để các đơn vị bạn bị bất ngờ và rơi vào tình thế bất lợi, dẫn đến mất tinh thần và ý chí chiến đấu. Kể từ khi được thành lập, Biệt động quân là lực lượng dự bị ưu tú của Việt Nam Cộng Hòa sau Sư đoàn Nhảy dù và Thủy quân lục chiến. Bộ Tư lệnh Biệt động quân đặt tại Trại Đào Bá Phước. Đơn vị Biệt động quân buông súng cuối cùng trong Sự kiện 30 tháng 4 năm 1975 khi đang bảo vệ Bộ Tư lệnh Biệt khu Thủ đô.

này đánh đấm có tiếng trong binh chủng mũ nâu đó.

Khi dắt trung đội hơn hai chục thằng lính, nửa kinh nửa thượng, đến trình diện đại đội BĐQ, tôi sửng sốt khi nhận ra ông đại đội trưởng chính là Lâm Ni . Tôi đứng nghiêm đưa tay chào

– Tôi đem trung đội tới trình diện trung úy.

Lâm Ni nhận ra tôi ngay. Anh ta hét lên:

– Có phải mày là thằng Ninh không.? Đ.m. trung úy cái con khỉ, tao là Lâm Ni đây, mày không nhận ra sao?

Rồi anh ta ôm tôi quay mấy vòng.

Giải tỏa tình hình xong, trung đội của tôi tiếp tục được đặt dưới quyền của

Lâm Ni, nhận lệnh ở lại tìm kiếm một số chiến binh thất lạc và giữ an ninh cho quân cụ lên kéo mấy chiếc M113 bị bắn cháy và hư hại về Ban Mê Thuột. Tối hôm ấy Lâm Ni giữ trung đội tôi đóng quân chung với ban chỉ huy đại đội của anh. Một điều chưa từng xảy ra cho một đơn vị tăng phái. Hai đĩa uống hết bi-đông rượu đế, nhắc lại bao nhiêu kỷ niệm vui buồn thời còn đi học. Anh nhớ từng tên thầy cô giáo và bạn bè lúc trước. Anh ân hận đã phá phách nghịch ngợm làm buồn lòng thầy, bạn. Anh bảo tôi, ngay sau khi rời Võ Tánh là anh đi lính ngay. Anh thích đời quân ngũ và hy vọng nó sẽ làm thay đổi cuộc sống của một thằng nhà giàu vô tích sự như anh. Khi biết anh chọn BĐQ, cha mẹ anh giận và buồn lắm, nhờ ông cậu, bây giờ làm lớn trong Bộ Tổng Tham Mưu, rút anh về, nhưng

anh nhất quyết chối từ. Trước khi đi ngủ, anh ta còn hỏi tôi:

– Con nhỏ em mày, con gái ông chú của mày ở Nha Trang đó, bây giờ theo thằng cốt đột nào rồi ? – rồi cười ha hả.

Hai hôm sau chúng tôi có lệnh di chuyển vị trí, và phải bung rộng ra phòng thủ. Lâm Ni cho trung đội tôi xuống đóng trong một cái đồn bên chân cây cầu sắt (của một đơn vị địa phương quân bỏ lại) để giữ cây cầu khỏi bị phá hoại trước khi quân cụ lên kéo hết mấy chiếc thiết giáp bị hư. Cây cầu cách ngọn đồi, nơi đặt ban chỉ huy của Lâm Ni khoảng hai cây số.

Gần hai giờ sáng, trung đội tôi bất ngờ bị tấn công. Địch áp dụng chiến thuật cổ điển tiên pháo hậu xung. Sau mấy loạt 82 ly, chúng ào ạt tấn công. Trung đội tôi có vài người bị thương sau

đột pháo kích đầu tiên, nhưng tất cả đều chống trả mãnh liệt. Tôi chỉ kịp cầm ống liên hợp máy PRC 10 báo cáo với Lâm Ni là đơn vị tôi bị tấn công mạnh, cần ngay pháo binh và một lực lượng tiếp ứng, đánh từ phía sau lưng địch. Lâm Ni bảo tôi cứ bình tĩnh yên tâm chiến đấu, anh ta sẽ gọi pháo binh và gọi ngay một bộ phận tiếp ứng. Không ngờ lực lượng địch khá đông. Chúng tôi bắn ngã tên này thì tên khác lại xông lên. Chúng đã dùng beta phá mấy lớp rào bên ngoài rồi hô xung phong. Pháo binh ta cũng bắt đầu rót xuống bên ngoài. Lúc này tôi chiến đấu hoàn toàn như một khinh binh. Quả đạn cuối cùng tôi vừa mới ném ra, cũng là lúc một vài tên địch đã xâm nhập vào phía bên trong hàng rào phòng thủ. Khi đạn đã cạn, chúng tôi chuẩn bị đánh cận chiến, thì nghe được tiếng súng bắn khắp nơi bên ngoài và tiếng hò hét: Biệt

Động sát! Địch vội vàng tháo chạy, hai tên đặc công vào bên trong bị chúng tôi bắt sống. Tạm thời kiểm tra đơn vị: 3 chết, 7 bị thương. Chưa kịp gọi máy báo cáo, thì toán biệt động quân đầu tiên vào bên trong, vồng theo một thương binh. Nghe một sĩ quan BĐQ gọi máy xin trực thăng tản thương khẩn cấp vì “đại bàng bị thương nặng”, tôi giật mình chạy đến chiếc vồng: Lâm Ni mặt đầy máu và thở rất nhẹ. Tôi lay anh ta :

– Lâm Ni ơi, có làm sao không? Ninh đây.

Dưới ánh đèn pin yếu ớt, gương mặt anh ta xanh xao, mở hé mắt nhìn tôi. Đôi môi rung động như muốn nói với tôi điều gì. Tôi đưa tay sờ lên môi anh, như là tôi đã hiểu những gì anh muốn nói.

Vị thiếu úy BĐQ vỗ vai tôi :

– Đúng ra đâu có phải nhiệm vụ của trung úy, tôi bảo ông nên ở lại, vì chúng tôi chỉ đi có một trung đội và toán thám báo, nhưng ông đã lệnh cho ông đại đội phó ở lại và ông trực tiếp dẫn đầu toán thám báo chạy bay tới đây, xông ngay vào sau lưng địch mà đánh. Tội nghiệp, chỉ có ông bị thương.

Trực thăng tản thương tới, tôi bế Lâm Ni lên, nắm chặt tay anh trước khi máy bay cất cánh. Tôi bùi ngùi lo lắng khi biết là anh đã vì tôi mà bị thương, cầu nguyện cho anh qua khỏi hiểm nghèo

Lần ấy anh còn sống, nhưng phải nằm điều trị ở Quân Y Viện hết bốn tháng, còn để lại mấy vết sẹo trên cổ, và vì bị thương ở thanh quản, nên giọng nói của anh bị khàn đi. Sau đó đơn vị của anh có lệnh chuyển lên Pleime, Pleiku.

Tôi có liên lạc thăm anh vài lần trên hệ thống vô tuyến.

Bẵng đi một thời gian, đầu mùa hè 72, đơn vị tôi đang hành quân ở An Khê thì có lệnh di chuyển về phi trường Pleiku để được không vận toàn bộ lên Kontum. Chiến trường đang tới hồi quyết liệt. Trong một lần chuyển quân hoán đổi vị trí phía bắc Kontum tôi bất ngờ gặp lại Lâm Ni. Lúc này anh đã mang lon Thiếu tá và nắm một tiểu đoàn BĐQ. Hai thằng chỉ kịp ôm nhau chửi thề vài câu. Chưa kịp nói lời chia tay, thì mỗi thằng đã mỗi ngả.

Cuối năm 1972, khi hiệp định Paris vừa ký xong, địch quân chưa trở cờ. Hai bên tạm thời hưu chiến kiểu da beo. Các đơn vị tham chiến được chuyển về các vị trí dưỡng quân. Tiểu Đoàn của Lâm Ni được về Hàm Rồng. Đơn vị tôi thì về Đồi

Đức Mẹ, Pleiku.

Đêm tiểu đoàn Lâm Ni làm lễ tái xuất quân tại Hàm Rồng được tổ chức rất hùng tráng. Lâm Ni có mời tôi đến dự. Buổi tiệc ra quân kết thúc bằng một chương trình văn nghệ khá đặc sắc, do biệt đoàn văn nghệ trung ương từ Sài Gòn ra, phối hợp với các toán văn nghệ tâm lý chiến Quân Đoàn II đảm trách. Tôi ngồi hàng ghế đầu với Lâm Ni. Khi có một nữ ca sĩ từ Pleiku lên hát bài Chiều Trên Phá Tam Giang, Lâm Ni rất cảm động. Cô tên Giáng Vân, có khuôn mặt khá xinh, phảng phất buồn, và giọng hát trầm ấm thiết tha. Bài hát vừa chấm dứt, Lâm Ni bước lên nắm tay cô cảm ơn và bất ngờ cởi tặng cô chiếc đồng hồ Longine mới toanh mà anh vừa mới mua từ Sài Gòn, khi được bảy ngày phép về thăm cha mẹ.

Đêm đó tôi ở lại với Lâm Ni. Anh kể là cha mẹ anh cứ năn nỉ anh đổi về Sài Gòn. Ông bà sẽ lo cho anh về Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát hoặc bất cứ nơi nào ở Sài Gòn anh muốn. Ông bà cũng đưa anh đến thăm gia đình một người Tàu, có cô con gái làm chủ một nhà hàng, mà ông bà định hỏi cưới cho anh. Ông bà nôn nóng có đứa cháu đích tôn nối dõi. Nhưng anh chỉ im lặng. Rồi khi bị hỏi quá, anh hứa cho Anh ba năm nữa. Anh bảo tôi, đời lính sống nay chết mai, vợ con làm gì cho vương chân vương cẳng.

Đầu năm 73, tôi bị thương nặng, phải nằm điều trị hơn hai tháng ở Quân Y Viện Pleiku.. Lâm Ni có ghé lại thăm tôi một lần vội vã, khi có dịp về Pleiku họp hành quân. Khi chia tay, anh rút từ túi quần sau ra một xấp tiền đưa cho tôi:

– Tiền ba tháng lương của tao, mày cầm lấy mà gửi cho vợ con mày. Mày đông con. Tao độc thân, suốt cả năm sống ở trong rừng, lỡ có chết tiền không ai xài uống lắm.

– Tôi từ chối, nhưng anh nhét xấp tiền vào dưới chiếc gối tôi nằm.

Sau đó tôi được theo học một khóa tham mưu tại Long Bình. Mãn khóa, được điều về Trung Tâm Hành Quân. Lâm Ni thì vẫn nay đây mai đó, nhưng chúng tôi thường liên lạc hỏi thăm tin tức nhau trên hệ thống vô tuyến. Một lần khi bay bao vùng, biết anh vừa lên trung tá, tôi đáp xuống thăm, và mang mừng anh ta chai Hennessy, loại rượu anh thích nhất. Anh bảo, BCH/BĐQ dự định đưa anh ra nắm một Liên Đoàn ngoài vùng 1 thay cho anh Liên Đoàn trưởng vừa tử

trận, nhưng tình hình ở đây đang nguy ngập, nên anh chưa rời đơn vị được

Tháng 3/75, ngay sau khi Ban Mê Thuột mất, tôi may mắn được theo Bộ Tư Lệnh Tiền Phương. Nói là Tiền Phương nhưng lại đóng ở Nha Trang và một đôi khi ở Khánh Dương.

Có lệnh bỏ Kontum và Pleiku. Tiểu Đoàn BĐQ của Lâm Ni là một trong những đơn vị được chỉ định đi đầu, mở đường cho đoàn quân di tản từ Pleiku xuống Tuy Hòa theo tỉnh lộ 7. Một kế hoạch triệt thoái tồi tệ nhất trong lịch sử chiến tranh Việt Nam, kéo theo sự sụp đổ cả miền Nam.

Tôi được chỉ định làm trưởng toán, dùng một hợp đoàn trực thăng bay đi liên lạc và hướng dẫn những toán quân thất lạc trong rừng. Ngày N+3, trong lúc

chiến trường ác liệt và tồi tệ nhất, tôi may mắn liên lạc được Lâm Ni trên tần số không lục. Tôi tìm mấy bãi đáp tương đối an toàn, giục Lâm Ni đến đó để tôi bốc. Nhưng anh ta từ chối, bảo là mặc dù tiểu đoàn của anh bị tan tác, quân số chỉ còn gần một trung đội, nhưng anh không thể bỏ anh em vào lúc này.

Không ngờ đó cũng là lần cuối cùng tôi nghe giọng nói của Lâm Ni. Năm 1977, trong một trại tù cải tạo ở Lào Cai, tôi gặp lại một sĩ quan của Lâm Ni lúc trước. Anh ta là sĩ quan duy nhất trong đơn vị còn sống sót. Anh cho biết là khi bị địch vây và kêu buông súng đầu hàng, Lâm Ni đã bắn tới viên đạn cuối cùng. Anh tự sát bằng một quả lựu đạn loại tấn công, và đã chết chung với một đám địch quân định vây bắt anh.

Mùa hè năm ngoái, con gái út của tôi lấy chồng bên London. Cả nhà tôi sang đó dự tiệc cưới do nhà trai khoản đãi. Sau đám cưới, vợ chồng cô con gái đi Thái Lan hưởng tuần trăng mật. Chúng tôi muốn ở lại London ít hôm để xem vài thắng cảnh và đến thăm gia đình một người bạn học cũ của bà xã tôi ở thành phố Birmingham, cách London chừng ba giờ lái xe. Cậu rể nhờ một người bạn chí thân, một bác sĩ trẻ khá bảnh trai, và cũng là phụ rể trong đám cưới, làm tài xế và hướng dẫn viên cho chúng tôi. Hơn nữa nhà cậu ta cũng ở Birmingham.

Ngày cuối cùng, trước khi rời khỏi Birmingham, cậu ta mời chúng tôi ghé lại nhà để dùng một bữa cơm với gia đình. Nói là gia đình, nhưng thực ra chỉ có hai mẹ con thôi. Cậu bảo thế.

Trời nóng như lửa đốt, lại biết chúng tôi đang đói, cậu ta gọi cell- phone về nhà báo bà mẹ chuẩn bị thức ăn sẵn. Về đến nhà, cậu ta vội vã đi lấy khăn, hướng dẫn chúng tôi vào phòng tắm rửa mặt, rồi chạy vào bếp phụ mẹ. Vào phòng ăn, khi chúng tôi kéo ghế ra chưa kịp ngồi thì bà mẹ bùng thức ăn ra vui vẻ chào, và xin lỗi vì bận tay nên không ra cổng đón được. Thấy người đàn bà này có nét giống một người nào đó mà tôi đã gặp, tôi cố gắng lục lại ký ức, nhưng vẫn không nhớ ra.

Khi cơm nước xong, bà mời chúng tôi lên phòng khách uống nước và ăn tráng miệng. Nhìn một tấm ảnh phóng lớn treo trên vách. Lại là một người lính. Tôi tò mò bước lại xem và sững sờ khi người trong ảnh chính là Lâm Ni.

Sau một lúc hàn huyên, tôi mới nhận ra người đàn bà này chính là cô ca sĩ tâm

lý chiến có tên Giáng Vân, trong đêm làm lễ tái xuất quân của đơn vị Lâm Ni trên Hàm Rồng lúc trước. Một cô ca sĩ tâm lý chiến, mà ngày xưa nhiều kẻ đánh giá chẳng ra gì, chết chồng từ thuở mới 20, có nhan sắc, trải qua bao nhiêu khổ nỗi, vậy mà không hề bước thêm một bước nào, ở vậy nuôi con học hành thành đạt, đức hạnh nên người. Điều bất ngờ hơn, cậu thanh niên dễ thương, tốt bụng, đón đưa chúng tôi mấy ngày hôm nay, cũng là người bạn chí thân của thằng rể chúng tôi, lại là giọt máu duy nhất của Lâm Ni còn lại trên thế gian này.

Tôi có hỏi về ông bà nội cháu, Giáng Vân cho biết là sau khi chạy từ Pleiku về, cô phải nằm bệnh viện cho đến mấy tháng sau ngày miền Nam thất thủ, nên đã phải sinh non, may mà mẹ tròn con vuông. Khi sanh cháu xong, chị có đi hỏi

thăm cha mẹ Lâm Ni, nhưng được mấy người láng giềng cho biết là ông bà đã đi về Trung quốc.

Tôi búi ngủ nghĩ tới Lâm Ni, người bạn học có nhiều duyên nợ với tôi, đã gây cho tôi một vài phiền muộn, nhưng cũng đã để lại trong tôi biết bao điều xúc động. Không hiểu, ở một nơi xa xăm nào đó, anh có biết là tôi đã bất ngờ gặp lại vợ con anh. Cũng có thể chính anh đã linh thiêng đưa tôi đến đây. Một nơi xa lạ, ngàn trùng cách biệt với quê hương, với Nha Trang. Nơi mà một thời, anh đã có biết bao kỷ niệm với thầy với bạn và nhất là với tôi, thằng bạn nhóc tí của anh ngày trước. Ông bà già của Lâm Ni chắc không ngờ là mình đang có một đứa cháu đích tôn trên thế gian này, mà trước đây ông bà đã từng mơ ước.

Trước khi từ biệt vợ con Lâm Ni, tôi đứng lặng lẽ một mình trước tấm ảnh của anh, ôn lại bao nhiêu chuyện cũ rồi buột miệng thì thắm hai câu thơ quen thuộc :

Những người muôn năm cũ,

Hồn ở đâu bây giờ ?

Từ trong tấm ảnh, dường như Lâm Ni đang nhìn tôi mỉm cười.

Phạm Tín An Ninh

*(xin gửi đến chị Lâm Ni và cháu Lâm Bình
như món quà muộn màng)*

